

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2023-2024
TRƯỜNG THPT NGHĨA HƯNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định)

PHẦN 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Đặc điểm, tình hình

a) Tên trường, địa chỉ, trụ sở, website:

- Trường THPT Nghĩa Hưng
- Địa chỉ trụ sở của trường: Xã Nghĩa Trung, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- Website: <http://thptnghiahung.edu.vn>

b) Quá trình thành lập và phát triển:

- Trường THPT Nghĩa Hưng thành lập theo Quyết định số 862/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định Ngày 23 tháng 6 năm 1998 với tên gọi trường THPT Dân lập Nghĩa Hưng, đến ngày 24 tháng 02 năm 2012 theo Quyết định số 260/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định chuyển đổi từ loại hình trường dân lập sang loại hình trường Tư thục với tên gọi trường THPT Nghĩa Hưng.

- Sau 25 năm kể từ khi thành lập đến nay, trường THPT Nghĩa Hưng đã được nâng cấp sửa chữa xây dựng thêm trở thành ngôi trường khang trang rộng rãi thoáng mát. Cơ sở vật chất được bổ sung hàng năm đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng cao, đáp ứng được nguyện vọng của phụ huynh, học sinh; hàng năm tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT trên 98%, tỷ lệ học đỗ vào các trường Đại học-Cao đẳng trên 40%.

- Nhiều năm liên nhà trường được giám đốc Sở công nhận là “Tập thể lao động tiên tiến”.

c) Điểm mạnh:

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:
 - + Số lượng: 27 (Ban giám hiệu: 01; Văn phòng: 02; Giáo viên: 24)
 - + Chất lượng đội ngũ: 100% đạt chuẩn, trên chuẩn 8,0%
 - + Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên: Nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết, năng lực chuyên và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.
- Cơ sở vật chất:
 - + Diện tích khuôn viên nhà trường: 4000m²
 - + Khối phòng hành chính quản trị đủ

+ Khối phòng học tập : Phòng học: 09; Phòng học bộ môn Tin: 01; Phòng đa chức năng: 01

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: Phòng thư viện ; Phòng thiết bị giáo dục; phòng truyền thống; Phòng đoàn thanh niên.

+ Khối phòng phụ trợ: Nhà để xe của học sinh, giáo viên; phòng y tế; Nhà vệ sinh của học sinh, giáo viên.

+ Khu sân chơi thể dục thể thao: 1500m²

+ Hạ tầng kỹ thuật đầy đủ

- Về phía học sinh: Học sinh chăm ngoan, thực hiện tốt nội quy quy định của trường, có ý thức vươn lên trong học tập, tham gia tích cực các phong trào văn nghệ, TDTT của trường, cụm.

d) Điểm yếu:

- Một số giáo viên trẻ còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác, trình độ ngoại ngữ của cán bộ, giáo viên còn hạn chế; cơ sở vật chất còn thiếu chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu dạy và học.

- Một bộ phận học sinh còn lười học, trông chờ ỷ lại.

e) Cơ hội và thách thức:

* *Cơ hội:*

- Nhà trường được sự quan tâm của Sở GDĐT, UBND huyện, các xã trong vùng tuyên, sự đồng thuận của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh.

- Đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm khá tốt.

* *Thách thức:*

- Do yêu cầu đổi mới giáo dục đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đòi hỏi ngày càng có chất lượng hiệu quả, nhất là khả năng ứng dụng CNTT, khả năng sáng tạo trong giảng dạy và trình độ ngoại ngữ.

- Các tệ nạn xã hội ngày càng nhiều và đạo đức của một bộ phận thanh thiếu niên sa sút ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập của học sinh cũng như chất lượng giáo dục của nhà trường.

f) Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị:

- *Tầm nhìn:* Phấn đấu xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học trong giai đoạn mới, nâng cao vị thế của nhà trường; giáo viên, học sinh luôn tự tin, năng động, hội nhập.

- *Sứ mệnh:* Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều được phát triển toàn diện.

- *Giá trị:* Tinh thần đoàn kết, khát vọng vươn lên; tính trung thực, tinh thần trách nhiệm; tính sáng tạo, lòng tự trọng, tình nhân ái và sự hợp tác.

g) Mục tiêu chiến lược: Xây dựng nhà trường có kỷ cương nề nếp tốt, chất lượng giáo dục được nâng cao; quy mô trường lớp, đội ngũ ổn định và phát triển, tạo thương hiệu của nhà trường.

2. Quy mô trường, lớp (số lớp, số học sinh từng khối lớp...)

Năm học	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Khối 10		Khối 11		Khối 12	
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
2018-2019	7	324	3	129	2	99	2	96
2019-2020	7	301	2	83	3	122	2	96
2020-2021	8	324	3	129	2	78	3	117
2021-2022	8	338	3	135	3	126	2	77
2022-2023	8	357	2	101	3	131	3	125

2. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục (Biểu mẫu 9,10,11,12 Thông tư 36)

- Kết quả xếp loại học lực và hạnh kiểm:

Năm học	Tổng số học sinh	Học lực (tỷ lệ %)				Hạnh kiểm (tỷ lệ %)			
		Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu
2020-2021	324	1.9	22.8	75.3	0	98.8	1.2	0	0
2021-2022	338	1.48	23.96	74.26	0.3	99.4	0.3	0.3	0
2022-2023 (Kỳ I)	357	0.8	21.6	77.6	0	91.6	8.1	0.3	0

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT các cuộc thi, hội thi:

Năm học	Thi tốt nghiệp THPT		Các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh			
	Điểm trung bình	Xếp thứ trong tỉnh	Thi HSG văn hóa	Hùng biện tiếng Anh	Sáng tạo KHKT	Các cuộc thi khác.....
2020-2021	5.763	55				
2021-2022	6.254	51				
2022-2023						

PHẦN 2. THÔNG TIN VỀ TUYỂN SINH

I. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 của 03 năm gần nhất

Năm học	Phương thức tuyển sinh	Số lượng hồ sơ đăng kí dự thi/xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Điểm xét tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển
2020-2021	Xét tuyển	142	135	7.25	134
2021-2022	Xét tuyển	146	135	18.3	146
2022-2023	Xét tuyển	139	135	10.9	109

II. Thông tin về tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

1) Đối tượng tuyển sinh

Xét tuyển những học sinh tham dự kỳ thi vào lớp 10 THPT năm 2023 tại tỉnh Nam Định có nguyện vọng học tại trường.

2) Chỉ tiêu tuyển sinh: 03 lớp (135 học sinh)

3) Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển kết quả thi tuyển vào lớp 10 của các trường THPT trong tỉnh năm 2023.

- Chỉ tiêu: 135 học sinh

- Điều kiện đăng kí xét tuyển Theo hướng dẫn tuyển sinh của Sở GDĐT Nam Định.

4) Nguyên tắc xét tuyển

a) Điểm xét tuyển: Là tổng điểm của 03 bài thi (đã tính hệ số) và điểm ưu tiên (nếu có)

b) Điều kiện xét trúng tuyển: Chỉ xét trúng tuyển đối với thí sinh có đủ các điều kiện sau:

- Có đủ 03 bài thi theo quy định; không có điểm liệt (0 điểm);

- Có điểm xét tuyển đạt từ điểm 10,0 trở lên (đã tính hệ số).

c) Nguyên tắc xét trúng tuyển:

- Căn cứ danh sách thí sinh đủ điều kiện xét trúng tuyển, trường lấy trúng tuyển theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu được giao hoặc hết nguồn thí sinh có đủ điều kiện.

- Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét trúng tuyển như sau:

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng điểm nhau mà không vượt quá 2% chỉ tiêu được giao thì đề nghị với Sở GDĐT được

lấy trúng tuyển hết số này;

Nếu tổng thí sinh đã lấy trúng tuyển và những thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau vượt quá 2% chỉ tiêu được giao thì xét những thí sinh này theo thứ tự ưu tiên đảm bảo đúng chỉ tiêu được giao: Có điểm trung bình các môn cả năm học lớp 9 cao hơn; có tổng điểm trung bình cả năm môn Toán và Ngữ văn ở lớp 9 cao hơn. Sau khi xét hết các tiêu chí mà vẫn còn các thí sinh có tiêu chí cuối cùng bằng nhau thì đề nghị với Sở GDĐT được lấy trúng tuyển hết những thí sinh này.

Sau khi có danh sách dự kiến trúng tuyển, trường hợp Hội đồng tuyển sinh để xét trúng tuyển và duyệt với Sở GDĐT theo quy định.

5) Hồ sơ tuyển sinh

- Toàn bộ hồ sơ dự thi gốc đã thi ở các trường THPT trong tỉnh Nam Định kì thi tuyển sinh vào lớp 10 năm 2023.

- Phiếu đăng kí nguyện vọng vào các trường THPT trong tỉnh Nam Định còn chỉ tiêu (do trường THPT nơi thí sinh đã dự thi cấp).

6) Tổ chức tuyển sinh: Theo hướng dẫn tuyển sinh vào 10 năm 2023 của Sở GDĐT Nam Định

PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC

1) Về học phí: Thu 9 tháng/năm học

- Lớp 10 (năm học 2023-2024): 450.000đ/HS/tháng
- Khối 11 (năm học 2024-2025): 480.000đ/HS/tháng
- Khối 12 (năm học 2025-2026): 500.000đ/HS/tháng

2) Về học thêm: Thu theo quy định về dạy thêm học thêm của Sở GDĐT Nam Định.

3) Hình thức thu: Thu bằng tiền hoặc chuyển khoản.

PHỤ LỤC 1**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông Nghĩa Hưng, năm học 2023-2024**

STT	Nội Dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Điều kiện tuyển sinh	3	2	3	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	Cơ bản	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tốt	Tốt	Tốt	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Tốt	Tốt	Tốt	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tốt	Tốt	Tốt	

PHỤ LỤC 2
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông
Nghĩa Hưng, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp11	Lớp12	Lớp
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	357	101	131	125	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91.6	90.1	87.8	96.8	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	8.1	8.9	12.2	3.2	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	0.3	1.0	0	0	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
II	Số học sinh chia theo học lực	357	101	131	125	
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	0.8	1.0	0.8	0.8	
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)	21.6	20.8	13.7	30.4	
3	Trung bình(tỷ lệ so với tổng số)	77.6	78.2	85.5	68.8	
4	Yếu(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Kém(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	357	101	131	125	
1	Lên lớp(tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	
a	Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số)	0.8	1.0	0.8	0.8	
b	Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số)	21.6	20.8	13.7	30.4	
2	Thi lại(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
3	Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
4	Chuyên trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ so với tổng số)	0.17	0.02	0.02	0	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	125			125	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					
1	Giỏi(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá(tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng(tỷ lệ/ tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	207/150	61/40	73/58	73/52	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	

PHỤ LỤC 3
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông Nghĩa Hưng
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	9	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	14	1,1m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò	0	-
5	Số phòng học bộ môn	2	1,1m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1/1
8	Bình quân học sinh/lớp	45HS/lớp	1,1m ² /HS
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	4000	9,83m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	4,9m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng	672	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48m ² /lớp	1,1m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48m ² /phòng	1,1m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	30	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	77	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	18	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	18	2/1
1.1	Khối lớp 10	6	6/3
1.2	Khối lớp 11	6	6/3
1.3	Khối lớp 12	6	6/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	14HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	0,25/lớp
2	Cát xét	2	0,25/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0,25/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	0,13/lớp
5	Thiết bị khác...	1	0,13/lớp
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	0,25/lớp
2	Cát xét	2	0,25/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	0,25/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	0,13/lớp
5	Thiết bị khác...	1	0,13/lớp
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	1	1/1	0,12/HS	0,11/0,15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	Kiểm nhiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Kiểm nhiệm													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	Kiểm nhiệm													
9	Bảo vệ	1	0	0	0	0	1	0							

Nhà trường dự kiến mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho năm học 2023-2024:

1) Đảm bảo số lượng phòng học được trang bị đầy đủ: Bàn ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn ghế giáo viên, bảng lớp, hệ thống đèn và quạt.

2) Sắp xếp phòng học, phòng bộ môn, tận dụng sân trường để tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động ngoại khóa sinh hoạt dưới cờ theo lớp, khối lớp và toàn trường.

3) Lắp đặt thêm 03 máy chiếu tại các lớp còn thiếu.

4) Nâng cấp và lắp đặt thêm 10 bộ máy vi tính cho phòng học bộ môn Tin học.

5) Mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học cho các bộ môn khối 10,11 tối thiểu mỗi bộ môn 05 bộ.

6) Trang bị quần phục quần trang cho giáo viên dạy bộ môn GDQPAN.

7) Nhà trường cam kết mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo đủ, đáp ứng yêu cầu dạy học cho CTGDPT 2018.

Nhà trường dự kiến tuyển dụng thêm 01 nhân viên y tế trường học để đảm bảo đội ngũ, đáp ứng đầy đủ cho công tác dạy và học

Nhà trường cam kết: Đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện; đảm bảo mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đảm bảo đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ đáp ứng yêu cầu dạy học CTGDPT 2018./.